

Bản án số: 47/2025/HS-ST
Ngày: 25/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bàng**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Trình**

Ông **Mai Văn Du**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Thục Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thùy Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Thị Như N, sinh ngày: 15/5/1993 tại Quảng Ngãi. Nơi thường trú: K195/20/1 T, tổ A, phường H, quận C, TP .; Nơi cư trú: K L, khu phố D, phường H, quận A, TP .; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Long H và con bà Lê Thị Như . Có chồng là Nguyễn Thành L và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Lê Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố D, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Công ty Cổ phần T1. Địa chỉ: Lô I.25, đường A, N, KCN T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Anh Trương Nguyên V, sinh năm 1988. Địa chỉ: 2 đường F, Ấp P, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 11/2021, Phạm Thị Như N và anh Nguyễn Thành L (sinh năm: 1992, trú tại: khu phố D, phường H, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – là chồng của N) ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần T1 (gọi là Công ty T1) về việc mở cửa hàng kinh doanh thời trang nhãn hiệu OWEN tại địa chỉ F T, phường H, quận L, ngoài ra Công ty T1 không đồng ý cho N mở bất kỳ cửa hàng nào khác. Tháng 4/2023, N rủ chị Lê Thị T (sinh năm: 1993; trú tổ A, phường H, quận C – là hàng xóm của N) cùng góp vốn vào cửa hàng thời trang tại số F T để kinh doanh thì chị T đồng ý và góp số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình kinh doanh tại cửa hàng F bị thua lỗ, và biết chị T có tiền nên N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị T.

Khoảng tháng 5/2023, N nói dối với chị T rằng cửa hàng tại địa chỉ F T đang làm ăn có lãi và N được Công ty T1 cho phép mở thêm cửa hàng thời trang OWEN tại ngã tư C, thuộc quận C nên rủ chị T góp số tiền 250.000.000 đồng để đầu tư mở cửa hàng, ngoài ra N còn nói với chị T nếu có thể góp thêm tiền thì khi cửa hàng có lãi sẽ được chia lợi nhuận nhiều hơn. Để chị T thêm tin tưởng thì N tự tạo 01 tài khoản mạng xã hội zalo mang tên “Vũ Kowill” và N giới thiệu đây là đại diện của Công ty T1, sau đó N tự nhắn tin với tài khoản zalo “Vũ Kowill” với nội dung trao đổi về việc thanh toán tiền hàng để nhanh chóng được mở cửa hàng, rồi chụp ảnh nội dung tin nhắn gửi cho chị T. Chị T tưởng thật nên trong khoảng thời gian từ ngày 07/5/2023 đến ngày 17/6/2023, tại nhà của N ở tổ A, phường H, quận C, chị T đã sử dụng tài khoản ngân hàng V1, số tài khoản 0001017402659 và tài khoản ngân hàng M, số tài khoản 0965288104 cùng mang tên Lê Thị T chuyển đến tài khoản ngân hàng A, số tài khoản 0909938424 mang tên Phạm Thị Như N nhiều lần với tổng số tiền 354.430.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, N đã sử dụng để tiêu xài cá nhân hết.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị T yêu cầu phải trả số tiền 354.430.000 đồng đã bị chiếm đoạt, đến ngày 28/3/2025 bị cáo đã bồi thường được số tiền 200.000.000 đồng, còn lại 154.430.000 đồng chưa bồi thường.

*** Với nội dung trên tại Bản cáo trạng số: 45/CT-VKSCL ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phạm Thị Như N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng số: 45/CT-VKSCL ngày 14 tháng 3 năm 2025 và đề nghị Hội đồng xét xử:**

- Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo; đề nghị tuyên bố

bị cáo Phạm Thị Như N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 5 năm tù đến 5 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo Phạm Thị Như N còn phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho chị Lê Thị T số tiền là 154.430.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị Như N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận tội danh như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng truy tố là đúng. Hiện nay hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn, bị cáo đang nuôi 4 con còn nhỏ nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới đề nghị của Viện kiểm sát, tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian chăm sóc nuôi con nhỏ.

Người bị hại Lê Thị T đã có viết giấy nhận tiền và đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nhận thấy hoàn cảnh của bị cáo hiện đang rất khó khăn, đã trả lại một phần tiền chiếm đoạt cho chị T nên bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại có yêu cầu bị cáo trả số tiền chiếm đoạt còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Bị cáo và Lê Thị T có mối quan hệ bạn bè quen biết, đã góp vốn đầu tư kinh doanh làm ăn chung với nhau nhiều lần từ trước. Ban đầu bị cáo không có ý định lừa chị T để chiếm đoạt tiền của chị T. Nhưng sau đó làm ăn thua lỗ, bị cáo nợ nần nhiều nơi, đã sang lại cửa hàng cho người khác. Đến tháng 5/2023 bị cáo không xoay sở được tiền trả nợ, vì để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối với chị T là Công ty T1 cho mở rộng đầu tư thêm cửa hàng tại ngã tư C với vốn đầu tư là 2,5 tỷ đồng, tin tưởng với những thông tin bị cáo đưa ra cửa hàng 603 T kinh doanh có lãi nên chị T đã nhiều lần đưa tiền cho bị cáo để góp vốn đầu tư thêm số tiền tổng cộng là 250.000.000 đồng. Từ tháng 5/2023 đến cuối tháng 6/2023 bị cáo tiếp tục thúc giục chị T chuyển thêm tiền để sang mặt bằng, làm giấy phép đăng ký kinh doanh cho chị T đứng tên nên chị T lại tiếp tục tin tưởng và chuyển tiền nhiều lần cho bị cáo, tổng cộng bị cáo đã chiếm đoạt của chị T là 354.430.000 đồng (không tính số tiền chị T góp vốn đầu tư tại cửa hàng F 50.000.000 đồng hồi tháng 4/2023). Cuối tháng 6/2023 bị cáo lại tiếp tục yêu cầu chị T cho mượn xe mô tô để đi cầm cố thế chấp lấy tiền, chị T nghi ngờ

nên yêu cầu rút tiền đầu tư trước đây. Thực tế bị cáo đã mất khả năng trả nợ nên lần tránh không gặp chị T và cùng chồng bỏ vào TP . (BL274).

Như vậy, bị cáo Phạm Thị Như N đã có hành vi cố tình gian dối, đưa ra thông tin giả tạo để người bị hại tin tưởng là bị cáo đang làm ăn kinh doanh có lãi, đem lại lợi nhuận cho người góp vốn đầu tư, tổng cộng bị cáo chiếm đoạt 354.430.000 đồng. Sau khi bị chị T phát hiện bị cáo gian dối vì bị cáo liên tục thúc giục rồi còn tiếp tục mượn xe mô tô của chị T thì bị cáo đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, không hoàn trả được số tiền đã nhận của người bị hại. Từ tháng 5/2023 đến tháng 6/2023 bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 354.430.000 đồng của bị hại; đến hiện tại bị cáo đã khắc phục được 200.000.000 đồng cho người bị hại.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây hoang mang, dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo nhiều lần, chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn trên hai trăm triệu đồng là phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng tội. Do đó, đối với bị cáo cần phải xử phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội thời gian tương xứng đủ để có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thì thấy: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai trái, khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh bị cáo hiện khó khăn, là phụ nữ hiện đang nuôi 4 con nhỏ; bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt. Bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Lê Thị T đã được bị cáo khắc phục số tiền chiếm đoạt 200.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 154.430.000 đồng nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Lê Thị T số tiền là 154.430.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và 7.721.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Như N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Như N **05 (năm) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Thị Như N phải bồi thường cho bà Lê Thị T số tiền 154.430.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

Buộc bị cáo Phạm Thị Như N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 7.721.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 25/4/2025.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng (Phòng KTNV);
- VKSND TP. Đà Nẵng (Phòng 7);
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- CQĐT Công an T2;
- Cơ quan THAHS Công an T2;
- Trung tâm thông tin dữ liệu C;
- Chi cục THADS quận C;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bàng